

Số: 27/2022/QĐST-HNGĐ

B T, ngày 02 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị Đ, sinh năm: 1990

HKTT: Thôn H, xã K T, huyện B T, tỉnh T H.

- Bị đơn: Anh Hà Văn S, sinh năm: 1990

HKTT: Thôn H, xã K T, huyện B T, tỉnh T H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 02 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hà Thị Đ và anh Hà Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về hôn nhân:** Chị Hà Thị Đ và anh Hà Văn S thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là cháu Hà Hiếu B, sinh ngày 28/4/2012 và Hà Tiến Đ, sinh ngày 13/10/2017. Nay ly hôn giao cả 02 cháu Hiếu B và Tiến Đ cho anh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên, chị Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 750.000đ/tháng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), hai cháu là 1.500.000đ/tháng (Một triệu năm trăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng từ tháng 3/2022 cho đến khi các cháu thành niên.

Chị Hà Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng

xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- **Về tài sản và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Áp dụng khoản 4 điều 147-BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Đ và anh S mỗi bên phải chịu 75.000đ án phí DSST, chị Đ còn phải chịu 150.000đ án phí về cấp dưỡng nuôi con chung, chị Đ nộp cả phần án phí cho anh S, chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B T theo biên lai thu số: AA/2021/0008526 ngày 08/02/2022.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện B T;
- UBND xã K T;
- Chi cục THADS huyện B T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Nga